

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **132/2021/DS-ST**

Ngày: 11/5/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Vĩnh Lộc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Quốc Thuận

2. Bà Dương Hiền Huệ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Thơ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 436/2020/TLST - DS ngày 08 tháng 12 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST - DS ngày 06 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty J

Trụ sở: 72-74 K, phường X, quận Y, TP. Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật Ông T – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông A – Giám đốc điều hành cấp cao – Bộ phận quản lý công nợ.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Anh P – Nhân viên quản lý công nợ - J

*Bị đơn:* Anh S, sinh năm 1997

Địa chỉ: ấp T, xã K, huyện G, Tiền Giang

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*- Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Công ty J (gọi tắt là công ty J) và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh P là người đại diện của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 19/11/2019, anh S có vay tiền của công ty J để mua xe máy theo hình thức trả góp hàng tháng. Chi tiết hợp đồng như sau:

Hợp đồng số: 902040000002266000

Số tiền cho vay: 40.000.000 đồng.

Thời hạn thanh toán: 24 tháng

Số tiền thanh toán mỗi tháng: 2.253.844 đồng.

Lãi suất cho hàng tháng: 2,57%

Lãi suất phạt quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Ngày thanh toán đầu tiên: 22/12/2019

Từ ngày 23/12/2019 đến ngày 22/5/2020, anh S thanh toán được cho công ty J số tiền là 11.276.000 đồng. Sau ngày 22/5/2020 cho đến nay anh S không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán và cố tình lẩn tránh, mặc dù công ty đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở. Tổng số tiền nợ tính đến ngày 26/10/2020 anh S còn phải trả cho công ty là 39.195.943 đồng

Nay công ty J yêu cầu giải quyết: Buộc anh S phải trả cho công ty J số tiền tính đến ngày 11/5/2021 là 45.813.588 đồng. Từ ngày 12/5/2021 đến khi trả xong thì anh S còn phải chịu khoản lãi của số tiền chậm trả.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh S biết để tham gia phiên tòa theo quy định nhưng anh S vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản phản hồi về việc công ty J khởi kiện, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Công ty J yêu cầu anh S trả số tiền nợ vay nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Công ty J khởi kiện yêu cầu anh S trả tiền nợ đã vay với gốc là 33.605.309 đồng và tiền lãi. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của Công ty J là “*Hợp đồng cho vay tiêu dùng*” và “*Giấy đề nghị vay*” do Công ty J cung cấp có chữ ký của anh S. Có đủ cơ sở xác định giữa Công ty J và anh S đã xác lập hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng.

[2.2] Quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh S tuy nhiên anh S không đến tham dự phiên tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của công ty J. Căn cứ Điều 91 Bộ luật

Tổ tụng dân sự, anh S phải chịu hậu quả của việc không chứng minh nên xác định anh S còn nợ công ty J số tiền vốn là 33.605.309 đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự thì: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”*. Xét thấy anh S đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Công ty J buộc anh S trả cho Công ty J số tiền vốn là 33.605.309 đồng.

[2.3] Xét yêu cầu trả tiền lãi: Công ty J yêu cầu anh S trả số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn theo hợp đồng từ ngày vay đến ngày 11/5/2021 là 12.208.279 đồng. Theo quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự thì: *“Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:*

*a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;*

*b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*.

Do đó, Công ty J yêu cầu anh S trả tiền lãi là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Kể từ ngày 12/5/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ thì anh S vẫn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại hợp đồng cho vay tiêu dùng số: 902040000002266000 ngày 19/11/2020.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty J. Buộc anh S trả cho Công ty J số tiền:

- Vốn là 33.605.309 đồng (Ba mươi ba triệu sáu trăm lẻ năm nghìn ba trăm lẻ chín đồng);

- Lãi là: 12.208.279 đồng (Mười hai triệu hai trăm lẻ tám nghìn hai trăm bảy mươi chín đồng).

2. Kể từ ngày 12/5/2021 cho đến khi thi hành án xong, anh S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại hợp đồng cho vay tiêu dùng số 902040000002266000 ngày 19/11/2020.

**3. Về án phí:**

Anh S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.291.000 đồng.

Công ty J được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 980.000 đồng theo biên lai thu tiền số 4477 ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS;
- Lưu.

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Vĩnh Lộc**